

# CỔ PHIẾU BLUECHIPS/CƠ BẢN GIỮ NHỊP THỊ TRƯỜNG!

## GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

### TTCK thế giới

Thị trường chứng khoán toàn cầu (MSCI All Country World Index) lập đỉnh cao nhất kể từ tháng 5/2020 trong bối cảnh nhà đầu tư chờ báo cáo lạm phát và cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) vào tuần tới. Dù đã đến gần ngày họp chính sách tháng 6, nhưng thị trường vẫn chưa có những dấu hiệu rõ ràng khiến Fed lâm vào tình cảnh “tiến thoái lưỡng nan”. Theo công cụ CME FedWatch Tool, thị trường hiện đang dự đoán khả năng hơn 71% ngân hàng trung ương Mỹ sẽ tạm dừng tăng lãi suất tại cuộc họp này.

### TTCK trong nước

Thị trường trong nước khép lại tuần tăng thứ 2 liên tiếp trong chuỗi tăng 4/5 tuần gần, qua đó đã lấy lại ngưỡng 1,100 điểm, áp sát đỉnh cũ năm 2023. Thanh khoản toàn thị trường tiếp tục ghi nhận 1 tuần bùng nổ, đạt mức cao nhất 26 tuần. Trái ngược với xu hướng dòng tiền nội đang cuộn cuộn đổ vào thị trường, khối ngoại vẫn duy trì mạch bán ròng dù cường độ giảm đáng kể so với 2 tuần trước đó.

Cho tuần tới: Một tuần bận rộn với thị trường chứng khoán cả trong và ngoài nước: 1) dữ liệu lạm phát của Mỹ dự kiến được công bố vào ngày thứ Ba (13/6), 2) các ngân hàng Trung ương (ECB, FED, ...) sẽ họp chính sách vào 14 – 15/6, ... là các thông tin then chốt nhất. Ở trong nước, phiên đáo hạn HĐTL tháng 6 sẽ diễn ra vào thứ 5 (15/6) và các quỹ ETF hoàn tất cơ cấu danh mục vào phiên cuối tuần (16/6). Chiến lược cho tuần tới vẫn là nên chốt lời nhóm cổ phiếu đầu cơ, tích lũy dần cổ phiếu cơ bản (chú ý những cổ phiếu đã vượt đỉnh kể từ đầu năm).

### Cơ hội đầu tư ngắn hạn

Chúng tôi giữ nguyên quan điểm đối với cổ phiếu thuộc nhóm chứng khoán và công nghệ. Nhà đầu tư có thể tham khảo vùng mua đối với các mã trong danh mục.

| Cổ phiếu | Vùng mua    | Giá mục tiêu | Stoploss |
|----------|-------------|--------------|----------|
| SSI      | 23.7 – 24.3 | 26.7         | 22.5     |
| FPT      | 83 – 84.6   | 92.3         | 80.2     |

### Cơ hội đầu tư dài hạn

Chiến lược đầu tư – Lợi thế cạnh tranh

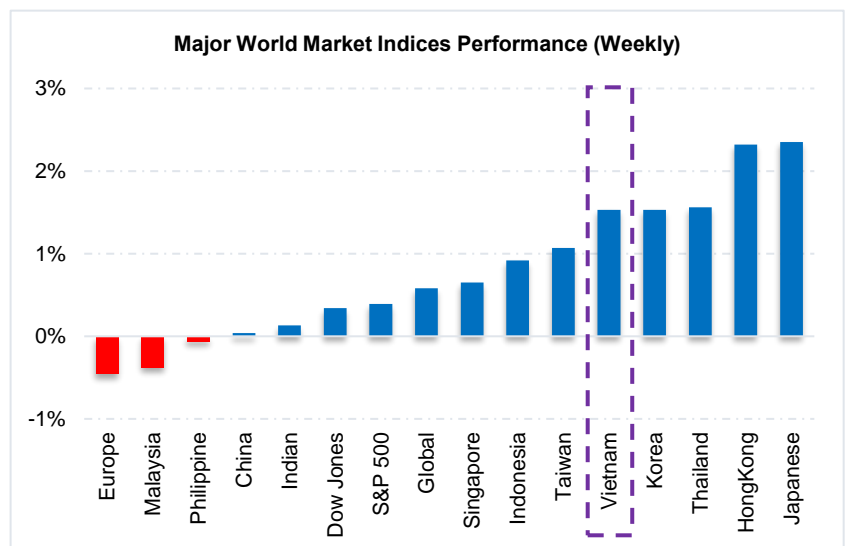
Chiến lược đầu tư – Hang tránh bão

Chiến lược đầu tư – BIS (Tài chính)

Chiến lược đầu tư – BSS (Ngân hàng, chứng khoán, thép)

## HIỆU SUẤT SINH LỜI

| Index         | Last      | 1 Week | 1 Month | YTD     | 1 Year  |
|---------------|-----------|--------|---------|---------|---------|
| Global        | 667.08    | 0.58%  | 2.75%   | 10.19%  | 7.54%   |
| Dow Jones     | 33,876.78 | 0.34%  | 1.73%   | 2.20%   | 7.91%   |
| S&P 500       | 4,298.86  | 0.39%  | 4.24%   | 11.96%  | 10.20%  |
| Europe        | 460.02    | -0.46% | -1.18%  | 8.27%   | 8.83%   |
| Japanese      | 32,265.17 | 2.35%  | 9.79%   | 23.65%  | 15.96%  |
| Korea         | 2,641.16  | 1.53%  | 6.70%   | 18.10%  | 1.74%   |
| China         | 3,231.41  | 0.04%  | -1.25%  | 4.60%   | -1.63%  |
| HongKong      | 19,389.95 | 2.32%  | -1.21%  | -1.98%  | -11.08% |
| Taiwan        | 16,886.40 | 1.07%  | 8.93%   | 19.44%  | 2.59%   |
| Indian        | 62,625.63 | 0.13%  | 0.96%   | 2.93%   | 15.33%  |
| Singapore     | 3,186.97  | 0.65%  | -0.67%  | -1.98%  | 0.16%   |
| Malaysia      | 1,376.08  | -0.38% | -3.29%  | -7.98%  | -7.89%  |
| Indonesia     | 6,694.02  | 0.92%  | -0.20%  | -2.29%  | -5.54%  |
| Thailand      | 1,555.11  | 1.56%  | -0.40%  | -6.80%  | -4.75%  |
| Philippine    | 6,507.15  | -0.07% | -1.08%  | -0.90%  | -0.35%  |
| Vietnam       | 1,107.53  | 1.53%  | 3.81%   | 9.97%   | -13.75% |
| Brent Oil     | 75.04     | -1.43% | 1.17%   | -12.65% | -38.50% |
| Crude Oil WTI | 70.35     | -1.94% | 0.44%   | -12.58% | -41.70% |
| Gold          | 1,975.90  | 0.32%  | -2.17%  | 8.20%   | 5.35%   |
| S&P 500 VIX   | 13.83     | -5.27% | -18.79% | -36.18% | -50.16% |
| Dollar Index  | 103.15    | -0.77% | 0.62%   | -0.12%  | -0.83%  |
| U.S. 10Y      | 3.74      | 1.21%  | 8.10%   | -3.50%  | 18.27%  |
| U.S. 2Y       | 4.60      | 1.87%  | 15.15%  | 3.80%   | 49.84%  |



Dữ liệu cập nhật ngày 09/06/2023

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Thị trường chứng khoán toàn cầu (MSCI All Country World Index) lập đỉnh cao nhất kể từ tháng 5/2020 trong bối cảnh nhà đầu tư chờ báo cáo lạm phát và cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) vào tuần tới. Dù đã đến gần ngày họp chính sách tháng 6, nhưng thị trường vẫn chưa có những dấu hiệu rõ ràng khiến Fed lâm vào tình cảnh “tiến thoái lưỡng nan”.

**Chứng khoán Mỹ:** Chỉ số S&P 500 tăng 0,39%. Đây là tuần tăng thứ tư liên tiếp của thước đo rộng nhất của chứng khoán Mỹ - một thành tích chưa từng được lặp lại kể từ tháng 8 năm ngoái. Nasdaq tăng 0,14% cả tuần, ghi nhận chuỗi 7 tuần đi lên không nghỉ, lần đầu tiên kể từ tháng 11/2019. Trong khi đó, Dow Jones tăng 0,34% tuần vừa qua. Chứng khoán Mỹ đã ở trong xu thế tăng điểm thời gian gần đây, chỉ số S&P 500 đã tăng 20% kể từ mức đáy thiết lập vào tháng 10 năm ngoái, với sự dẫn đầu của cổ phiếu công nghệ, khi hy vọng về sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) giúp củng cố sức mạnh cho các cổ phiếu công nghệ vốn hoá lớn. Trong vòng 3 tháng qua, S&P 500 đã tăng hơn 7%. Tâm điểm chú ý đang hướng tới báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dự kiến được công bố vào ngày thứ Ba tuần tới và cuộc họp của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) - bộ phận ra quyết định chính sách tiền tệ trong Fed - vào ngày thứ Ba và thứ Tư. Theo công cụ CME FedWatch Tool, thị trường hiện đang dự đoán khả năng hơn 71% ngân hàng trung ương Mỹ sẽ tạm dừng tăng lãi suất tại cuộc họp này.

**Chứng khoán Châu Âu:** Các thị trường lớn đồng loạt giảm điểm vào ngày thứ 6 khiến chỉ số Stoxx 600, đại diện cho cổ phiếu của 600 công ty có vốn hóa lớn, vừa và nhỏ tiêu biểu ở 17 nước châu Âu giảm 0,46% trong tuần vừa qua và sụt 1,18% trong vòng 1 tháng qua. Kết quả khảo sát của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) công bố ngày 6/6 cho thấy người tiêu dùng Khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đã hạ thấp kỳ vọng về lạm phát. Đây là thông tin đáng mừng cho các nhà hoạch định chính sách sau khi lạm phát bất ngờ tăng trong tháng Tư. Mặc dù dữ liệu lạm phát tháng 5 mang đến sự suy giảm tháng thứ hai liên tiếp của chỉ số lạm phát cơ bản hiện đang là tâm điểm của các nhà hoạch định chính sách, nhưng hầu hết các nhà đầu tư và nhà phân tích đều dự đoán ECB sẽ đưa ra một đợt tăng lãi suất khác vào cuộc họp ngày 15/6. ECB đã tăng lãi suất tổng cộng 375 điểm cơ bản trong năm qua để ngăn chặn tốc độ tăng giá quá nhanh và có thể phải đến năm 2025, lạm phát mới quay trở lại mức mục tiêu 2% khi tiền lương tăng nhanh và nhu cầu dịch vụ mạnh tiếp tục gây áp lực lên giá cả.

**Chứng khoán Châu Á:** Sáu ngân hàng thương mại có vốn nhà nước của Trung Quốc đã cắt giảm lãi suất tiền gửi chỉ một ngày sau lời kêu gọi giảm lãi suất từ chính phủ. Trung Quốc đã giữ nguyên lãi suất ở mức thấp trong thời gian dài, động thái này trái ngược với Mỹ và các nước lớn khác khi các ngân hàng trung ương tại các nước này đã mạnh tay tăng lãi suất nhiều tháng ròng để kiềm chế lạm phát. Các chỉ số chứng khoán Nhật Bản tăng cao chưa từng thấy trong 33 năm. Các nhà phân tích thị trường nhận định động lực thị trường được thúc đẩy bởi hy vọng rằng BoJ sẽ duy trì chính sách lãi suất cực thấp lâu hơn dự kiến, sau khi dữ liệu của chính phủ cho thấy tiền lương thực tế của Nhật Bản đã giảm 3% trong tháng Tư so với cùng kỳ năm trước.



Thị trường trong nước khép lại tuần tăng thứ 2 liên tiếp trong chuỗi tăng 4/5 tuần gần, qua đó đã lấy lại ngưỡng 1,100 điểm, áp sát đỉnh cũ năm 2023. Thanh khoản toàn thị trường tiếp tục ghi nhận 1 tuần bùng nổ, đạt mức cao nhất 26 tuần. Trái ngược với xu hướng dòng tiền nội đang cuộn cuộn đổ vào thị trường, khối ngoại vẫn duy trì mạch bán ròng dù cường độ giảm đáng kể so với 2 tuần trước đó.

**Diễn biến:** Tín hiệu đáng chú ý trong tuần vừa qua là áp lực chốt lời mạnh mẽ nhóm cổ phiếu đầu cơ với nhiều cổ phiếu có thanh khoản cao kỷ lục đi kèm mức giá giảm. Nhóm cổ phiếu trụ hoạt động khá hiệu quả, đóng góp lớn vào mức tăng 1,53% ở chỉ số Vn-index, trong khi đó nhóm smallcap có mức tăng thấp nhất 1,25%, nhóm midcap tăng 1,3% và nhóm Vn30 tăng 1,28%. Dòng tiền đang trở lại đối với các cổ phiếu cơ bản, DHG: +12,68%, DHT: + 15,69%, ... đã đóng góp phần lớn vào mức tăng mạnh nhất thị trường ở nhóm dược phẩm, bên cạnh đó BMP: +16,18%, cũng đưa nhóm vật liệu xây dựng có mức tăng mạnh thứ 2 toàn thị trường, ... nhìn chung, độ rộng thị trường tuần vừa qua vẫn rất tích cực với 18/22 nhóm cổ phiếu tăng giá, 50% số nhóm tăng giá mạnh hơn so với thị trường chung.

**Thanh khoản toàn thị trường** bình quân đạt 21.243 tỷ đồng, tăng 14,8% so với tuần trước, đây cũng là mức thanh khoản cao nhất trong vòng 26 tuần vừa qua. Trong đó, thanh khoản khớp lệnh cũng vọt 18,3% lên 19.400 tỷ đồng. Mức thanh khoản tăng vọt ghi dấu ấn dòng tiền nội, từ mức bình quân khớp lệnh hơn 9.000 tỷ đồng (giữa tháng 4 và tuần đầu tháng 5) đã tăng lên mức cao nhất 24.450 tỷ đồng, đây chính là chất xúc tác giúp thị trường vượt đỉnh tháng 4 và tiệm cận vùng đỉnh cao nhất kể từ đầu năm.

**Khối ngoại** bán ròng 571 tỷ đồng trên toàn thị trường, mức bán ròng thấp nhất trong 3 tuần vừa qua. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại chỉ còn mua ròng 1.400 tỷ đồng từ mức đỉnh điểm hơn 7.000 tỷ đồng ở tuần cuối tháng 3. Các quỹ ETF đã vào ròng 2 triệu USD ở tuần vừa qua, cắt mạch rút ròng 9 tuần liên tiếp, lũy kế từ đầu năm các quỹ ETF đã giải ngân 144 triệu USD (~ 3.356 tỷ đồng).

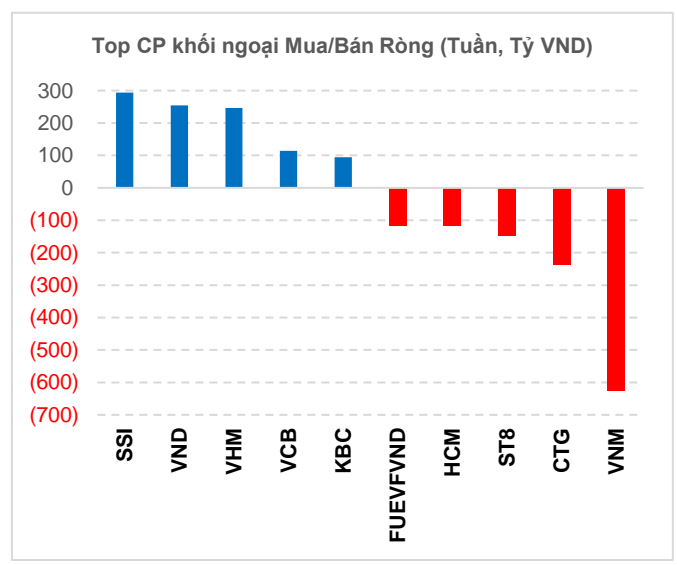
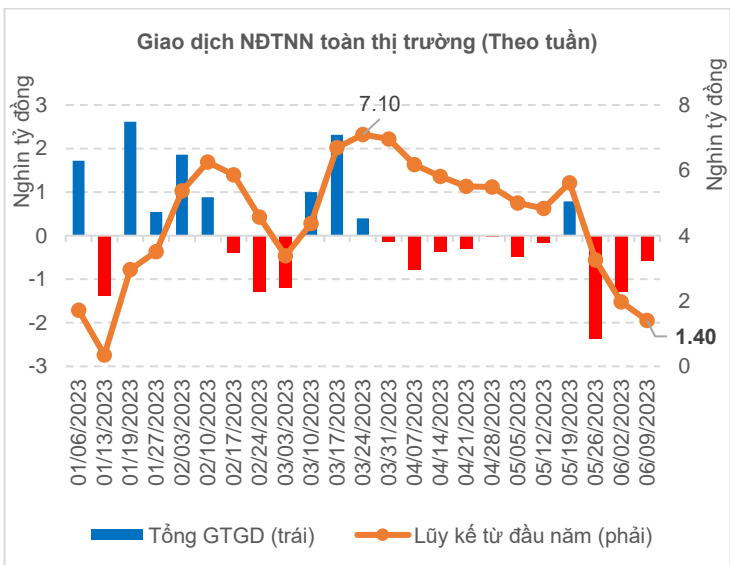
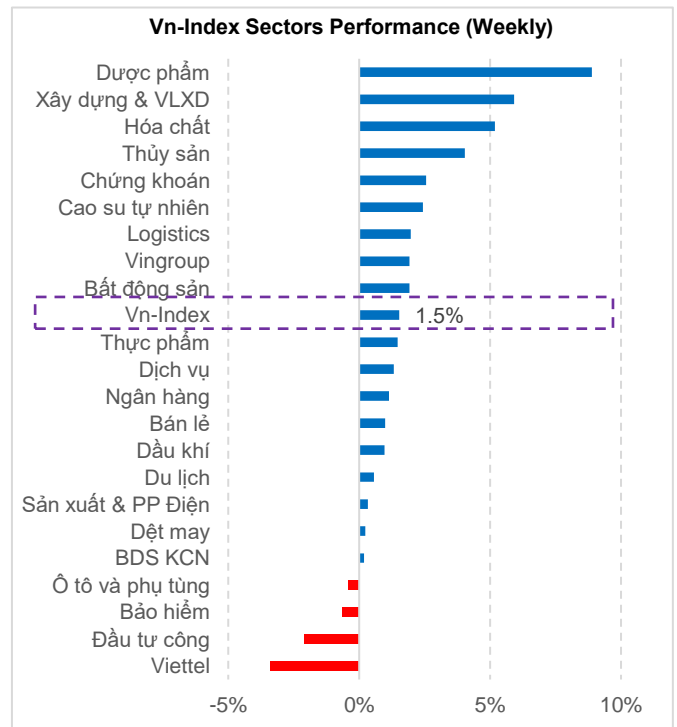
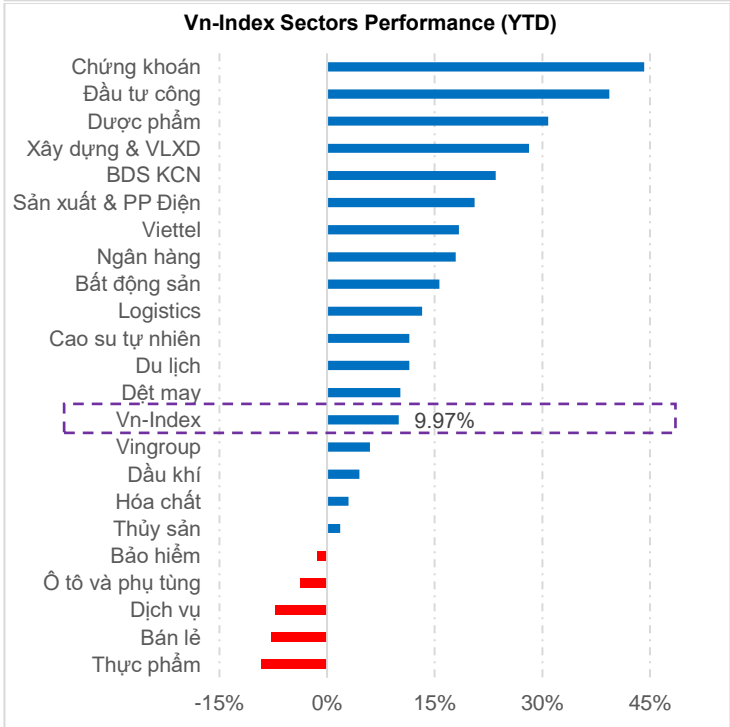
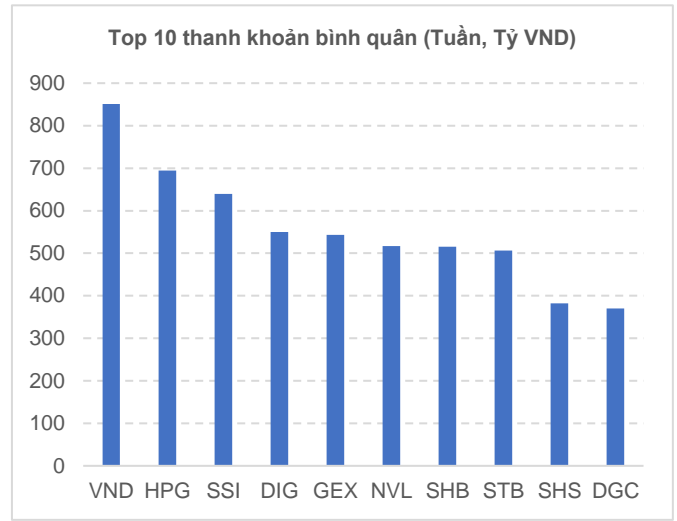
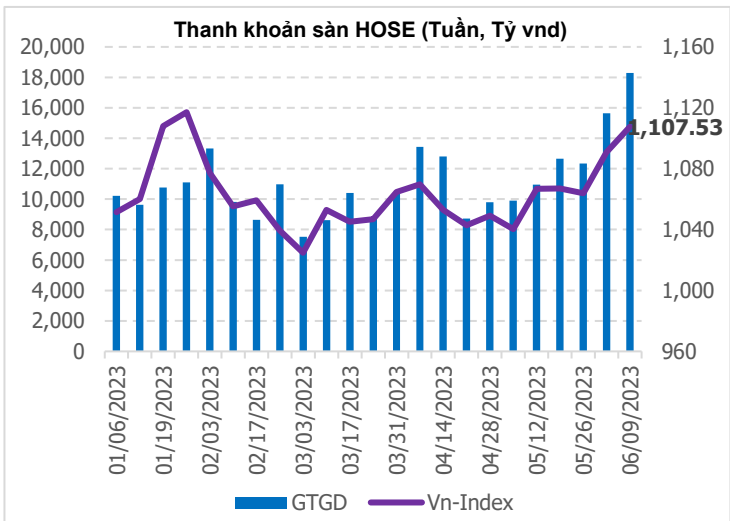
**Quan điểm thị trường tuần tới:** Một tuần bận rộn với thị trường chứng khoán cả trong và ngoài nước: 1) dữ liệu lạm phát của Mỹ dự kiến được công bố vào ngày thứ Ba (13/6), 2) các ngân hàng Trung ương (ECB, FED, ...) sẽ họp chính sách vào 14 – 15/6, ... là các thông tin then chốt nhất. Ở trong nước, phiên đảo hạn HĐTL tháng 6 sẽ diễn ra vào thứ 5 (15/6) và các quỹ ETF hoàn tất cơ cấu danh mục vào phiên cuối tuần (16/6). Các chính sách hỗ trợ nền kinh tế đang được dòng tiền nội đón nhận tích cực, xu hướng lãi suất giảm khiến kênh gửi tiết kiệm kém hấp dẫn đang tạo đà cho kênh chứng khoán thu hút dòng tiền trở lại. Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index đang lưỡng lự ở vùng đỉnh kể từ đầu năm, thanh khoản đang được đẩy lên rất cao trong 26 tuần gần đây, dù chưa có dấu hiệu tạo đỉnh thanh khoản nhưng tuần tới có nhiều thông tin tác động cũng sẽ khiến dòng tiền thận trọng và giảm giao dịch. Vì vậy, trong kịch bản lạc quan, dòng tiền sẽ xoay vòng ở nhóm cổ phiếu bluechips/cơ bản để giữ chỉ số trong bối cảnh chưa rõ ràng về khả năng vượt đỉnh hay điều chỉnh mạnh ở chỉ số. Chiến lược cho tuần tới vẫn là nên chốt lời nhóm cổ phiếu đầu cơ, tích lũy dần cổ phiếu cơ bản (chú ý những cổ phiếu đã vượt đỉnh kể từ đầu năm). Với mức thanh khoản quý 2 đang cao hơn 41% so với quý 1, nhóm cổ phiếu chứng khoán đang có lợi thế nhất, bên cạnh đó là các cổ phiếu cơ bản đang tích lũy tốt, được dự báo có kết quả thu nhập khả quan quý 2 sắp tới.

**Dự báo kịch bản thị trường tuần 12/06/2023 – 16/06/2023**

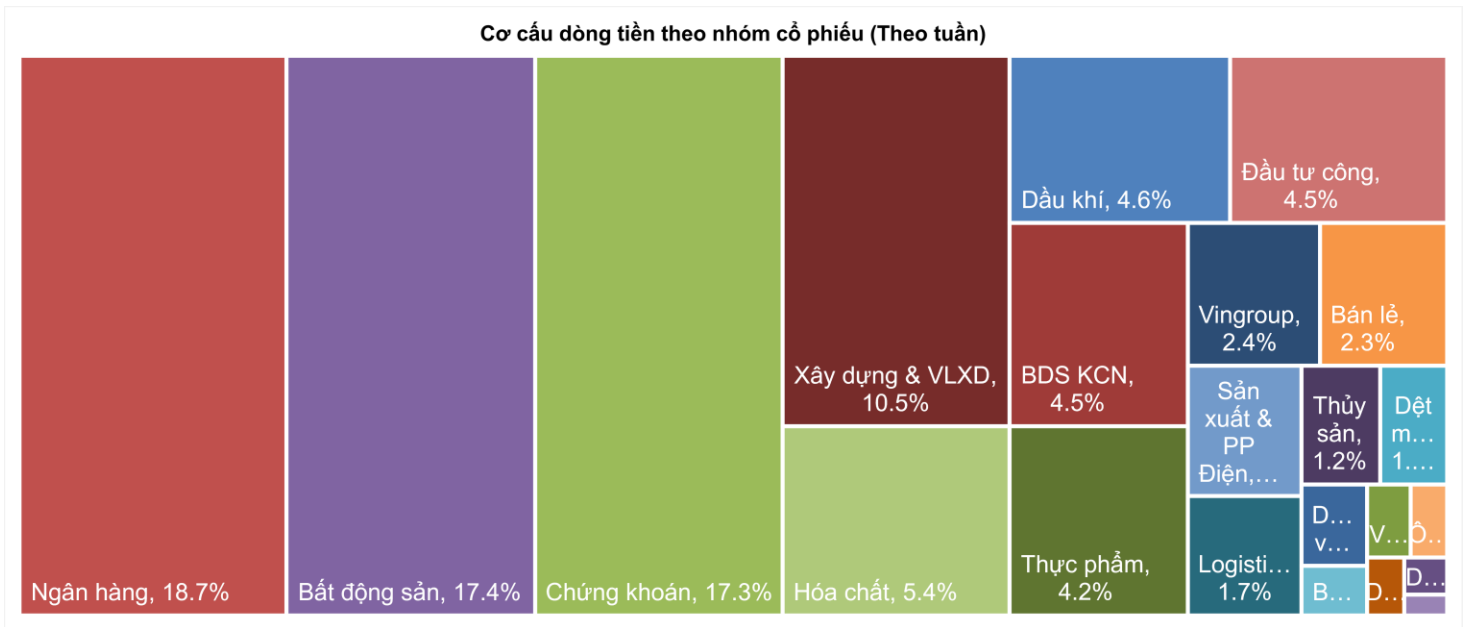
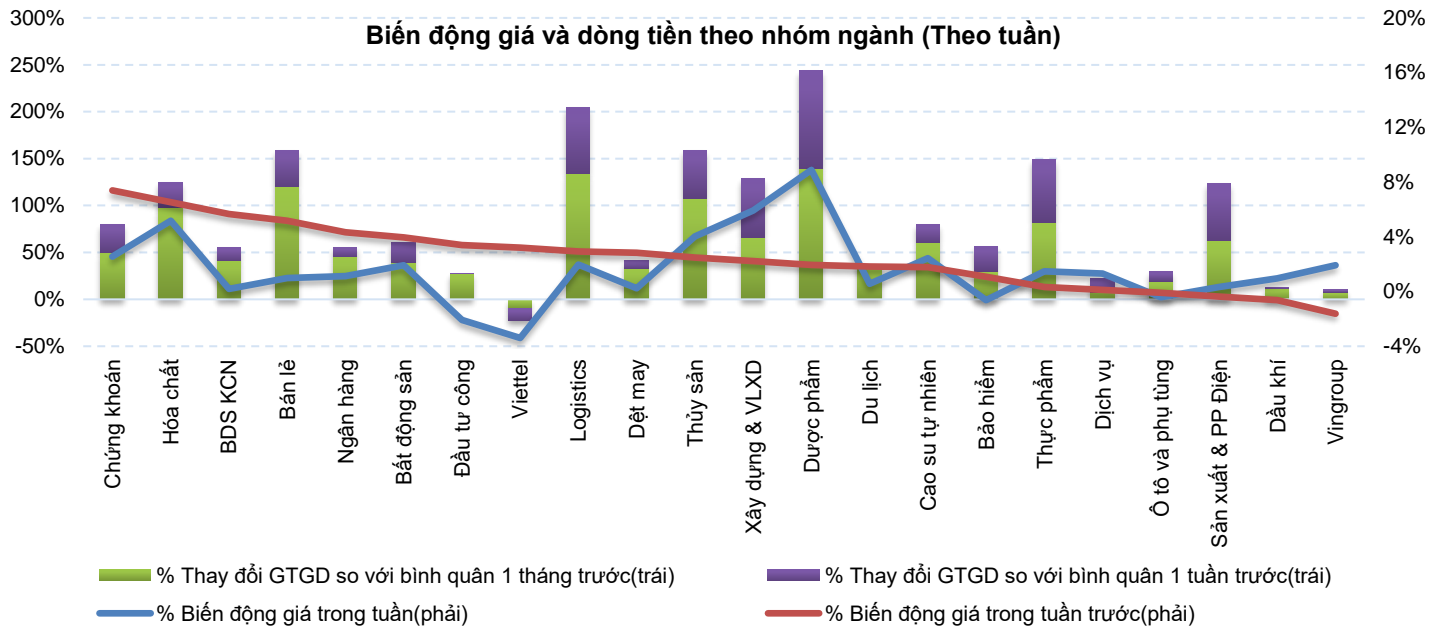
|                           | Tích cực      | Cơ bản        | Thận trọng    |
|---------------------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Xác suất</b>           | 20%           | 70%           | 10%           |
| <b>VN-Index (Điểm)</b>    | 1.118 – 1.130 | 1.099 – 1.118 | 1.093 – 1.099 |
| <b>P/E Trailing (lần)</b> | 13,72 – 13,86 | 13,48 – 13,72 | 13,41 – 13,48 |



# Chiến lược giao dịch tuần



# Chiến lược giao dịch tuần

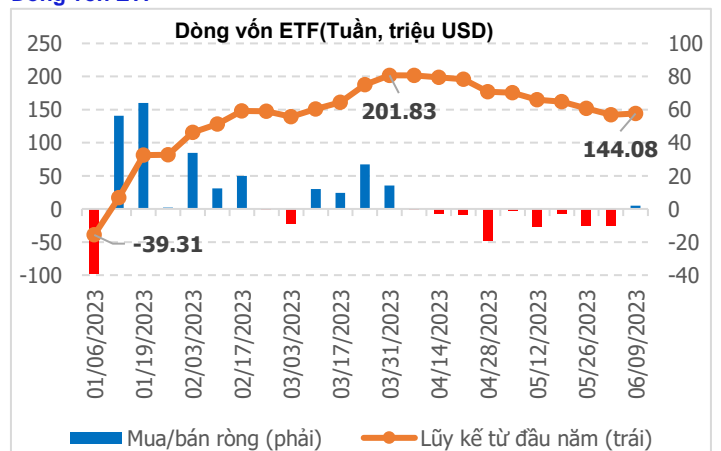


## Dòng vốn đầu tư quốc tế

| Country       | Date      | Daily  | WTD      | MTD      | QTD       | YTD       |
|---------------|-----------|--------|----------|----------|-----------|-----------|
| <b>Equity</b> |           |        |          |          |           |           |
| ▼ Asia (11)   |           |        |          |          |           |           |
| China         | 31MAR2023 |        |          | -8,437.3 | +48,188.6 | +48,188.6 |
| India         | 07JUN2023 | +175.0 | +247.3   | +647.1   | +7,578.2  | +5,095.7  |
| Indonesia     | 08JUN2023 | -26.1  | +5.4     | +5.4     | +943.1    | +1,388.4  |
| Japan         | 02JUN2023 |        | +4,366.1 | +4,366.1 | +34,505.4 | +36,039.5 |
| Malaysia      | 08JUN2023 | -34.6  | -77.5    | -102.5   | -317.8    | -740.7    |
| Philippines   | 09JUN2023 | -3.6   | -8.4     | -12.9    | -59.4     | -577.7    |
| S. Korea      | 09JUN2023 | +443.7 | +66.0    | +375.8   | +4,107.1  | +9,575.8  |
| Sri Lanka     | 08JUN2023 | -1.0   | -1.0     | -1.1     | +1.1      | +1.9      |
| Taiwan        | 09JUN2023 | +283.4 | +56.1    | +490.7   | +3,142.9  | +11,113.1 |
| Thailand      | 08JUN2023 | +52.6  | +67.6    | -27.6    | -1,225.6  | -2,871.2  |
| Vietnam       | 08JUN2023 | -11.5  | -18.5    | -31.7    | -259.0    | -40.3     |

Nguồn: Bloomberg

## Dòng vốn ETF



Nguồn: Bloomberg.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – LỢI THẾ CẠNH TRANH

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn.
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

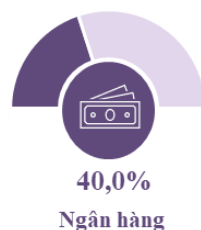
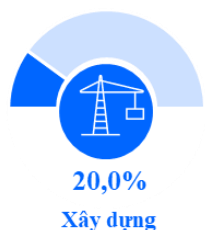
### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 09/06/2023):

|          |               |                |              |               |
|----------|---------------|----------------|--------------|---------------|
| Danh mục | <b>-1,0%</b>  | <b>5,9%</b>    | <b>20,8%</b> | <b>8,1%</b>   |
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return   | 2-year return |
| VN-Index | <b>1,5%</b>   | <b>4,7%</b>    | <b>6,1%</b>  | <b>-19,6%</b> |

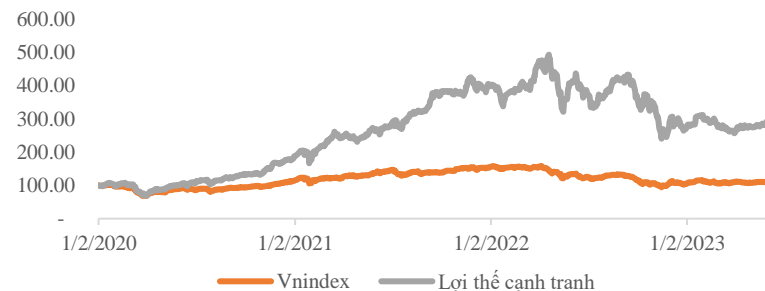
### Cấu thành danh mục

| Mã CK | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | EPS   | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | Nợ vay/TTS | Cổ tức tiền mặt | KLGD 6T    | P/E   | P/B  |
|-------|---------------------------|-------|--------------|--------------|------------|-----------------|------------|-------|------|
| CTR   | 33,2%                     | 3.941 | 27,1%        | 8,7%         | 11%        | 1.000           | 518.175    | 13,6x | 4,1x |
| DGW   | 72,9%                     | 5.279 | 29,4%        | 9,9%         | 36%        | 1.000           | 877.777    | 11,2x | 4,3x |
| FPT   | 13,7%                     | 4.799 | 20,6%        | 9,5%         | 33%        | 1.000           | 2.228.554  | 15,4x | 4,1x |
| MBB   | 44,0%                     | 3.876 | 21,9%        | 2,2%         | -          | 0               | 10.762.209 | 4,6x  | 1,1x |
| VCB   | 27,6%                     | 5.582 | 23,2%        | 1,6%         | -          | 0               | 1.189.441  | 13,2x | 2,7x |

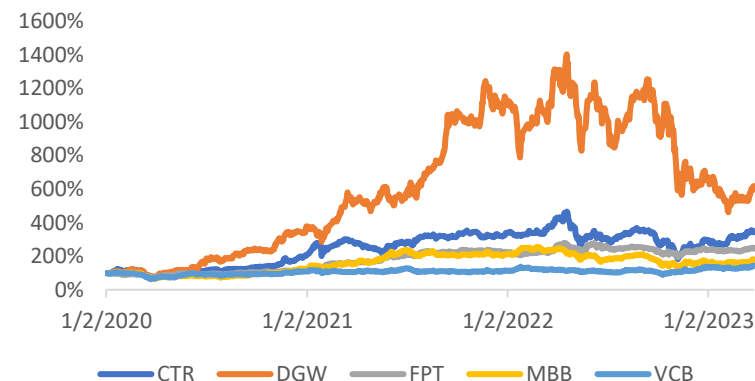
### Cơ cấu DM theo ngành



### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản   |            |            |            |            |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                 | KB1        | KB2        | Cơ sở      | KB3        | KB4        |
| CTR             | 10         | 10         | 20         | 20         | 20         |
| DGW             | 10         | 15         | 20         | 30         | 40         |
| FPT             | 10         | 15         | 20         | 20         | 20         |
| MBB             | 30         | 25         | 20         | 15         | 10         |
| VCB             | 35         | 35         | 20         | 15         | 10         |
|                 | <b>472</b> | <b>444</b> | <b>389</b> | <b>340</b> | <b>302</b> |

Hiệu quả sinh lời của DM



## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – HANG TRÁNH BẢO

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận an toàn & ổn định trước rủi ro thị trường.
- Chiến lược đầu tư an toàn trước biến động từ thị trường.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp trong nhóm phòng thủ (bảo hiểm, điện, nước, tiêu dùng thiết yếu), có lịch sử chi trả cổ tức cao và đều, đi kèm với rủi ro biến động giá thấp.

### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 09/06/2023):

|          |               |                |               |               |
|----------|---------------|----------------|---------------|---------------|
| Danh mục | <b>0,7%</b>   | <b>-3,5%</b>   | <b>-11,0%</b> | <b>10,4%</b>  |
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return    | 2-year return |
| VN-Index | <b>1,5%</b>   | <b>4,7%</b>    | <b>6,1%</b>   | <b>-19,6%</b> |

### Cấu thành danh mục

| Mã CK | Cổ tức tiền mặt | EPS   | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | Nợ vay/TTS | KLGD 6T   | P/E   | P/B  |
|-------|-----------------|-------|---------------------------|--------------|--------------|------------|-----------|-------|------|
| BWE   | 1.200           | 4.246 | 35,3%                     | 17%          | 6,5%         | 41%        | 267.050   | 10,4x | 2,0x |
| GAS   | 3.000           | 7.058 | 4,5%                      | 21%          | 15,7%        | 11%        | 789.627   | 15,6x | 3,7x |
| REE   | 1.000           | 7.773 | 49,6%                     | 16%          | 9,0%         | 35%        | 1.172.083 | 9,7x  | 1,8x |
| VEA   | 4.493           | 5.244 | 35,3%                     | 27%          | 24,0%        | 1%         | 193.594   | 7,6x  | 2,3x |
| VNM   | 1.500           | 4.232 | -2,9%                     | 34%          | 23,0%        | 19%        | 2.285.375 | 18,5x | 5,3x |

### Cơ cấu DM theo ngành



20,0%  
Nước



20,0%  
Phân phối xăng dầu & khí đốt

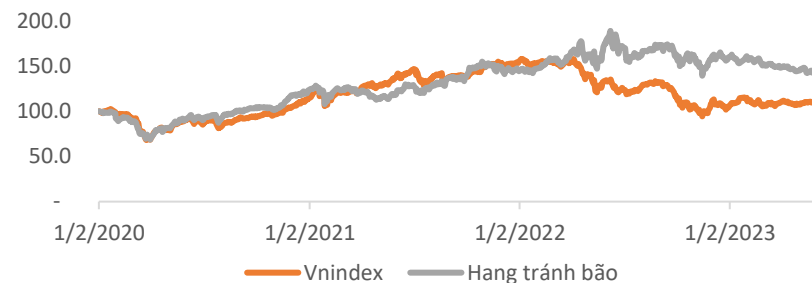


40,0%  
Máy công nghiệp

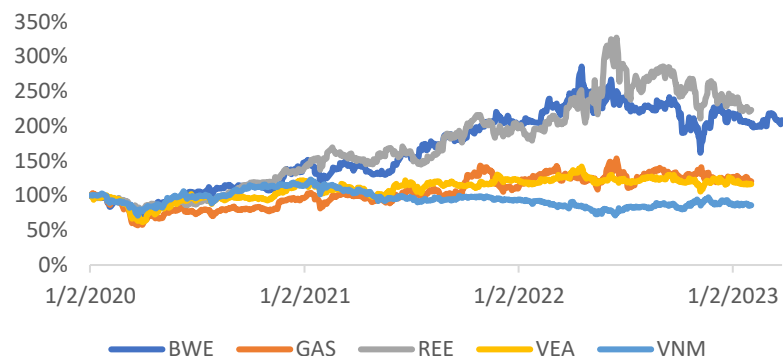


20,0%  
Thực phẩm

### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản   |            |            |            |            |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                 | KB1        | KB2        | Cơ sở      | KB3        | KB4        |
| BWE             | 10         | 20         | 20         | 25         | 30         |
| GAS             | 15         | 20         | 20         | 20         | 15         |
| REE             | 15         | 15         | 20         | 30         | 35         |
| VEA             | 25         | 20         | 20         | 20         | 15         |
| VNM             | 35         | 30         | 20         | 5          | 5          |
|                 | <b>124</b> | <b>134</b> | <b>143</b> | <b>163</b> | <b>172</b> |

Hiệu quả sinh lời của DM

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BIS (TÀI CHÍNH)

Tổng quan danh mục

- **Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- **Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán) có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

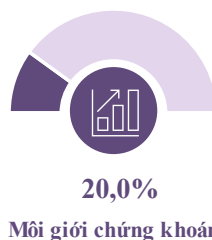
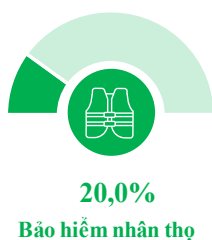
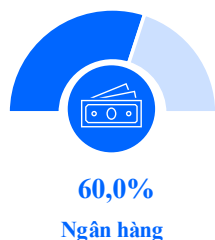
Hiệu suất đầu tư (đến ngày 09/06/2023):

|          |               |                |              |               |
|----------|---------------|----------------|--------------|---------------|
| Danh mục | <b>2,7%</b>   | <b>13,6%</b>   | <b>20,3%</b> | <b>2,1%</b>   |
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return   | 2-year return |
| VN-Index | <b>1,5%</b>   | <b>4,7%</b>    | <b>6,1%</b>  | <b>-19,6%</b> |

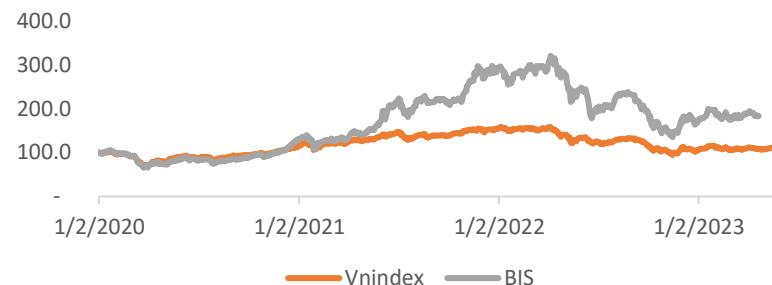
Cấu thành danh mục

| Mã CK | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | TB NIM 5 năm | TB CIR 5 năm | LLR     | NPL  | KLGD 6T    | P/B  |
|-------|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|------|------------|------|
| BID   | 41,3%                     | 13,5%        | 0,6%         | 2,7%         | -33,9%       | -214,0% | 1,0% | 1.525.120  | 1,8x |
| BVH   | 3,5%                      | 7,7%         | 1,1%         | 0,0%         | -            | -       | -    | 1.363.746  | 1,7x |
| MBB   | 44,0%                     | 21,9%        | 2,2%         | 5,0%         | -38,0%       | -208,0% | 1,0% | 10.762.209 | 1,1x |
| VCB   | 27,6%                     | 23,2%        | 1,6%         | 3,1%         | -34,2%       | -402,0% | 1,0% | 1.189.441  | 2,7x |
| VND   | 43,5%                     | 19,5%        | 5,4%         | 0,0%         | -            | -       | -    | 19.408.929 | 1,0x |

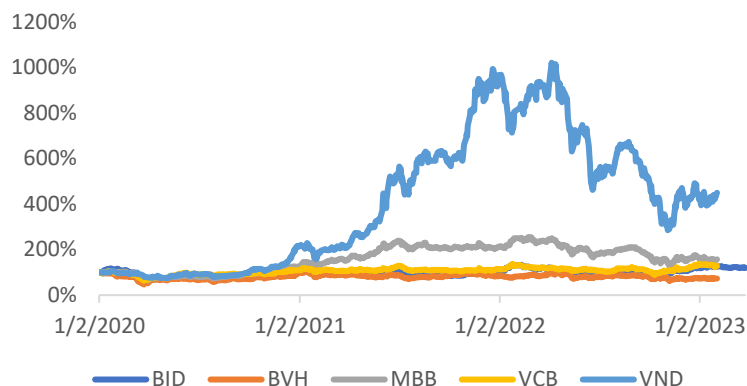
Cơ cấu DM theo ngành



Hiệu quả đầu tư



Biến động giá các mã CP trong DM



Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản   |            |            |            |            |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                 | KB1        | KB2        | Cơ sở      | KB3        | KB4        |
| BID             | 5          | 10         | 20         | 15         | 10         |
| BVH             | 35         | 30         | 20         | 10         | 10         |
| MBB             | 15         | 15         | 20         | 30         | 35         |
| VCB             | 35         | 30         | 20         | 10         | 10         |
| VND             | 10         | 15         | 20         | 35         | 40         |
|                 | <b>124</b> | <b>134</b> | <b>143</b> | <b>163</b> | <b>172</b> |

Hiệu quả sinh lời của DM



## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ – BSS (NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN – THÉP)

### Tổng quan danh mục

- Mục tiêu:** Kỳ vọng tạo lợi nhuận tăng dần trong dài hạn
- Chiến lược đầu tư tăng trưởng trong dài hạn.** Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp HD trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán & Thép, có tốc độ tăng trưởng bền vững trong 5 năm gần nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và sức khỏe tài chính lành mạnh.

### Hiệu suất đầu tư (đến ngày 09/06/2023):

| Danh mục | 3,0%          | 12,1%          | 22,5%      | -13,0%        |
|----------|---------------|----------------|------------|---------------|
|          | 1-week return | 1-month return | YTD-return | 2-year return |
| VN-Index | 1,5%          | 4,7%           | 6,1%       | -19,6%        |

### Cấu thành danh mục

| Mã CK | TB tăng trưởng LNTT 5 năm | TB ROE 5 năm | TB ROA 5 năm | TB NIM 5 năm | TB CIR 5 năm | LLR     | NPL  | P/E   | P/B  |
|-------|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------|------|-------|------|
| BID   | 41,3%                     | 13,5%        | 0,6%         | 2,7%         | -33,9%       | -214,0% | 1,0% | 11,0x | 1,8x |
| CTG   | 26,9%                     | 13,9%        | 0,9%         | 2,7%         | -36,8%       | -222,0% | 1,0% | 7,4x  | 1,1x |
| HPG   | 19,4%                     | 26,0%        | 12,9%        | -            | -            | -       | -    | 5,0x  | 0,9x |
| SSI   | 17,9%                     | 14,9%        | 5,0%         | -            | -            | -       | -    | 7,7x  | 1,1x |
| VND   | 43,5%                     | 19,5%        | 5,4%         | -            | -            | -       | -    | 5,8x  | 1,0x |

### Cơ cấu DM theo ngành



40,0%  
Ngân hàng

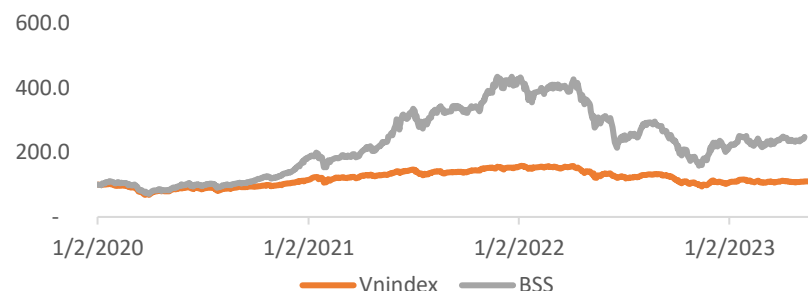


20,0%  
Thép và sản phẩm thép

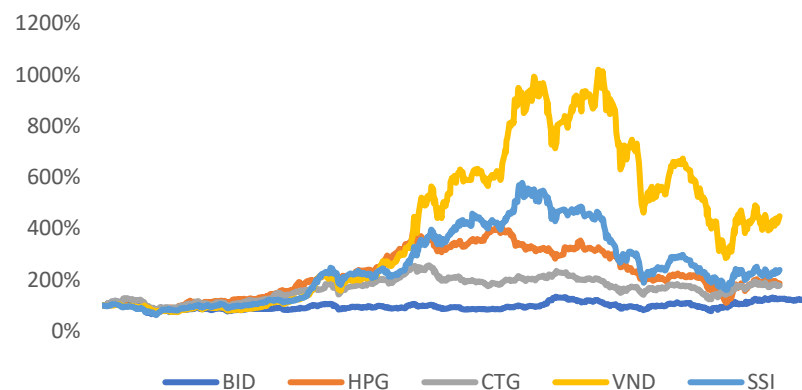


40,0%  
Môi giới chứng khoán

### Hiệu quả đầu tư



### Biến động giá các mã CP trong DM



### Độ nhạy tỷ trọng danh mục

| Tỷ trọng DM (%) | Kịch bản   |            |            |            |            |
|-----------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                 | KB1        | KB2        | Cơ sở      | KB3        | KB4        |
| BID             | 30         | 25         | 20         | 10         | 5          |
| HPG             | 35         | 25         | 20         | 10         | 10         |
| CTG             | 15         | 25         | 20         | 15         | 10         |
| VND             | 10         | 15         | 20         | 35         | 40         |
| SSI             | 10         | 10         | 20         | 30         | 35         |
|                 | <b>221</b> | <b>239</b> | <b>271</b> | <b>342</b> | <b>370</b> |

Hiệu quả sinh lời của DM

### MBS RESEARCH UPDATES

| Mã  | Khuyến nghị  | Giá mục tiêu | Link báo cáo         | Ngày báo cáo |
|-----|--------------|--------------|----------------------|--------------|
| PC1 | NẮM GIỮ      | VND 33.400   | <a href="#">Link</a> | 07/06/2023   |
| PET | NẮM GIỮ      | VND 29.800   | <a href="#">Link</a> | 09/06/2023   |
| VIB | MUA          | VND 26.800   | <a href="#">Link</a> | 02/06/2023   |
| VCB | MUA          | VND 109.850  | <a href="#">Link</a> | 24/05/2023   |
| IDC | TRUNG LẬP    | VND 36.800   | <a href="#">Link</a> | 22/05/2023   |
| CTG | NẮM GIỮ      | VND 31.800   | <a href="#">Link</a> | 12/05/2023   |
| DGW | NẮM GIỮ      | VND 31.400   | <a href="#">Link</a> | 11/05/2023   |
| PLX | NẮM GIỮ      | VND 40.800   | <a href="#">Link</a> | 15/05/2023   |
| NLG | NẮM GIỮ      | VND 38.000   | <a href="#">Link</a> | 08/05/2023   |
| FPT | MUA          | VND 93.500   | <a href="#">Link</a> | 05/05/2023   |
| ACB | MUA          | VND 29.810   | <a href="#">Link</a> | 05/05/2023   |
| SZC | NẮM GIỮ      | VND 33.000   | <a href="#">Link</a> | 05/05/2023   |
| QTP | MUA          | VND 17.500   | <a href="#">Link</a> | 05/05/2023   |
| GAS | NẮM GIỮ      | VND 106.000  | <a href="#">Link</a> | 18/04/2023   |
| KDH | NẮM GIỮ      | VND 30.300   | <a href="#">Link</a> | 17/04/2023   |
| STB | MUA          | VND 33.200   | <a href="#">Link</a> | 12/04/2023   |
| PNJ | MUA          | VND 91.200   | <a href="#">Link</a> | 04/04/2023   |
| VPB | MUA          | VND 25.450   | <a href="#">Link</a> | 31/03/2023   |
| HDB | NẮM GIỮ      | VND 20.400   | <a href="#">Link</a> | 22/03/2023   |
| POW | MUA          | VND 16.200   | <a href="#">Link</a> | 20/03/2023   |
| DCM | NẮM GIỮ      | VND 24.100   | <a href="#">Link</a> | 13/03/2023   |
| KSB | MUA          | VND 35.400   | <a href="#">Link</a> | 14/03/2023   |
| REE | MUA          | VND 84.000   | <a href="#">Link</a> | 03/03/2023   |
| EIB | KÉM KHẢ QUAN | VND 20.500   | <a href="#">Link</a> | 03/02/2023   |

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền năm 2022 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.